

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC QUANG
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 16 - 6 - 2025

"V/v Ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Tuấn Vĩnh .

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nông Thị Dần

2. Bà Nguyễn Thị Kim Chung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Chử - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Thuỷ - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2025/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 02 năm 2025 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 06 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lù Thị V, sinh năm 1991 Nơi cư trú: Thôn L, xã C, huyện X, tỉnh Hà Giang; số CCCD: 002191010113, cấp ngày 10/5/2021, nơi cấp: Cục C – Bộ C1; "có mặt".

- Bị đơn: Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1996; Nơi cư trú: Thôn N, xã Q, huyện B, tỉnh Hà Giang; số CCCD: 00209600272, cấp ngày 25/3/2021, nơi cấp: Cục C – Bộ C1; "vắng mặt lần 2, không có lý do".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và tại phiên tòa chị Lù Thị V trình bày: Chị và anh Hoàng Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được gia đình nhà chồng tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương, có đăng ký kết hôn ngày 25/7/2023 tại UBND xã Q, huyện B, tỉnh Hà Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống

cùng gia đình nhà chồng tại thôn N, xã Q, huyện B, tỉnh Hà Giang. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T thường xuyên uống rượu, không chịu làm ăn, mặc dù chị đã nhiều lần khuyên giải nhưng anh T không thay đổi vẫn chứng nào tật ấy nên vợ chồng bất đồng về quan điểm sống không tìm được tiếng nói chung. Do không chịu đựng được nên từ tháng 02 năm 2024 chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị để sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, có níu kéo cũng không có hạnh phúc nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Văn T.

Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh T không có con chung, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản chung, công nợ chung: Chị V xác định không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Hoàng Văn T vắng mặt, anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa làm việc, không nộp bản tự khai và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ có liên quan trong vụ án cho Tòa án, Tòa án đã giao Thông báo thụ lý vụ án và Giấy triệu tập cho Trưởng thôn nơi anh T cư trú, trưởng thôn nhận văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh T được biết việc chị V yêu cầu ly hôn anh T. Tòa án triệu tập anh T đến Tòa án để tham gia tố tụng, nhưng anh T đều vắng mặt. Tòa án đã triệu tập bị đơn là anh T nhiều lần để lấy lời khai và tham gia hòa giải nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do, mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ. Do đó, Tòa án đã Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại các Biên bản xác minh với trưởng thôn, Tư pháp xã nơi anh T, chị V sinh sống và biên bản xác minh với ông Hoàng Văn S (bố đẻ của anh T) phản ánh về tình trạng hôn nhân của chị Lù Thị V và anh Hoàng Văn T như sau: Chị Lù Thị V và anh Hoàng Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc và có đăng ký kết hôn vào ngày 25/7/2023 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện B, tỉnh Hà Giang theo đúng quy định của pháp luật, sau khi kết hôn anh chị sống chung cùng bố mẹ đẻ của anh T tại thôn N, xã Q, huyện B, tỉnh Hà Giang; trong quá trình chung sống vợ chồng anh chị sống hạnh phúc đến đầu năm 2024 thì chị V tự ý bỏ nhà đi, vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ đó cho đến nay, anh chị không còn quan tâm gì đến nhau nữa, chị V từ khi bỏ nhà chồng đi thì chị V không chăm lo, không có trách nhiệm với chồng và gia đình chồng. Hiện anh T đi làm ăn xa nhà thỉnh thoảng mới về nhà. Quá trình chung sống anh chị không có con chung và không có tài sản gì, anh chị vẫn ở chung với gia đình chồng.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án thu thập chứng cứ chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng thời hạn nội dung thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn không thực hiện đúng, đầy đủ nghĩa vụ của bị đơn về việc có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án quy định tại Điều 70, Điều 72 BLTTDS.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lù Thị V, chị Lù Thị V được ly hôn với anh Hoàng Văn T.

+ Về con chung: Chị V và anh T không có con chung nên không đề cập giải quyết.

+ Về tài sản chung, công nợ chung: Không đề cập giải quyết.

+ Về án phí: Chị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, lời trình bày của đương sự, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án do chị Lù Thị V có đơn yêu cầu ly hôn, căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án. Thẩm quyền theo cấp xét xử thì Tòa án nhân dân cấp huyện có thẩm quyền giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Hoàng Văn T có nơi cư trú tại thôn N, xã Q, huyện B, tỉnh Hà Giang, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thẩm quyền theo lãnh thổ là Tòa án nơi bị đơn cư trú nên Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang thụ lý là đúng thẩm quyền.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án thông qua trưởng thôn Nái, xã Q anh Hoàng Văn T nhận văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh T vẫn không có mặt và cũng không có ý kiến gì về việc chị Lù Thị V yêu cầu ly hôn. Xét thấy Toà án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai, bị đơn anh T vắng mặt tại phiên toà không có lý do, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Toà án tiến hành xét xử vắng mặt anh Hoàng Văn T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lù Thị V và anh Hoàng Văn T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 25/7/2023 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện B, tỉnh Hà Giang nên hôn nhân giữa chị V và anh T là hợp pháp.

[4] Xét về tình trạng hôn nhân: Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị sinh sống cùng gia đình chồng, anh chị không có con chung, đến đầu năm 2024 thì chị V bỏ nhà đi, vợ chồng anh chị đã sống ly thân kể từ đầu năm 2024 cho đến nay, mỗi người sống một nơi không còn quan tâm gì đến nhau nữa, anh T thỉnh thoảng mới về nhà, thời gian anh T và chị V sống ly thân đã lâu. Chị V xác định không còn tình cảm với anh T, vợ chồng không hòa thuận, không thể tiếp tục chung sống với nhau, kiên quyết xin ly hôn. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ

án, chị V không tạo điều kiện để tiếp tục chung sống. Cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị V và anh T thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cả hai không quan tâm, chăm sóc đến nhau. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lù Thị V.

[5] Về việc nuôi con chung: Quá trình chung sống, anh chị không có con chung. Do vậy, HĐXX không đề cập giải quyết.

[6] Về chia tài sản chung, công nợ chung: Chị Lù Thị V không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Lù Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Lù Thị V. Chị Lù Thị V được ly hôn anh Hoàng Văn T.

2. Về án phí: Chị Lù Thị V phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị V đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Quang theo biên lai thu số: 0002202, ngày 25/02/2025.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- Chi cục THADS huyện Bắc Quang;
- UBND xã Quang Minh (nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Tuấn Vĩnh